TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25-02-2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Khởi

2. Ông Lê Công Nhận.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Luyện - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên toà*:** Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 351/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05/02/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 ; (vắng mặt)

ĐKHK: Thôn L, xã Q, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Cư trú tại: Thôn P, xã Q, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1984; (vắng mặt)

Cư trú tại: Thôn L, xã Q, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn trình bày: Chị và anh Phạm Văn H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh B (nay là xã Q), huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 4 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung, anh H thường xuyên uống rượu và có hành vi đánh đập chị. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh H nên đề nghị Tòa án giải

quyết cho chị ly hôn anh H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị xác định chị và anh H không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai bị đơn là anh Phạm Văn H trình bày việc đăng ký kết hôn đúng như chị T đã khai. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc khoảng thời gian 5 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ năm 2014 đến nay, trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên : Anh xác định anh và chị không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015 ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân : Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T, đề nghị cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Phạm Văn H. Về án phí : Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt chị T, anh H theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B(nay là xã Q), huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T và ý kiến của anh H, Hội đồng xét xử thấy: Sau ngày cưới, vợ chồng chỉ sống hạnh phúc khoảng vài tháng thì đã nảy sinh mâu thuẫn; nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Thực tế vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay; chị không còn tình cảm với anh H nên xin ly hôn anh H, anh H nhất trí ly hôn. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T, anh H ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về tài sản, công sức, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị T, anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Phạm Văn H.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0008906 ngày 19/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, chị T đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ. /.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã Q,, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Hằng